TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn

Bà Phạm Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 717/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 759/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thu H, nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn N, nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Bùi Thị Thu H trình bày: Bà và ông Phạm Văn N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng năm 2002. Sau khi kết hôn, bà và ông N chung sống tại thôn Xuân Sơn 1, xã An Thắng, huyện An Lão. Trong quá trình chung sống, vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ với nhau, ông N sống không chung thủy. Mặc dù đã cố gắng nhưng bà và ông N vẫn không thể hòa hợp, ông N vẫn không thay đổi, không biết sửa sai. Hiện

nay, bà và ông N, không còn quan tâm đến nhau. Bà thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn ông N. Bà và ông N có 03 con chung là Phạm Bùi Mai L, sinh năm 2003, Phạm Bùi Hà L, sinh ngày 10-5-2010 và Phạm Gia K, sinh ngày 20-7-2018. Chị Mai L đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà nhận nuôi cháu Hà L và cháu K. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã triệu tập bị đơn là ông N nhiều lần nhưng ông N không có mặt theo giấy triệu tập, cũng không giao nộp bản khai cho Toà án.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Trong quá trình chung sống, bà Hà và ông N thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc. Bà Hà và ông N có 03 con chung là Phạm Bùi Mai L, sinh năm 2003, Phạm Bùi Hà L, sinh ngày 10-5-2010 và Phạm Gia K, sinh ngày 20-7-2018. Chị Mai L đã thành niên, không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng. Cháu Hà L có nguyện vọng ở cùng bà Hà. Bà Hà có chỗ ở và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà, cho bà Hà ly hôn ông N; giao cháu Hà L và cháu K cho bà Hà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bà Hà phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn là ông Phạm Văn N, cư trú tại Thôn X, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là bà Bùi Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Hà và ông N tự nguyện kết hôn, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng năm 2002, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 17-10-2002. Quan hệ hôn nhân giữa bà Hà và ông N là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình chung sống, bà Hà và ông N thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; cuộc sống chung không hoà thuận, hạnh phúc. Xét thấy, bà Hà và ông N đã không thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Hà và ông N có 03 con chung là Phạm Bùi Mai L, sinh năm 2003, Phạm Bùi Hà L, sinh ngày 10-5-2010 và Phạm Gia K, sinh ngày 20-7-2018. Chị Mai L đã thành niên, không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Cháu Hà L có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Hiện nay, bà Hà có chỗ ở và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Hà, giao cháu Hà L và cháu K cho bà Hà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Bùi Thị Thu H được ly hôn ông Phạm Văn N.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Phạm Bùi Hà L, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2010 và cháu Phạm Gia K, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2018 cho bà Bùi Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*mười tám*) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Bà Bùi Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007430 ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, bà Bùi Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Thu H và ông Phạm Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã Mỹ Đức, huyện An Lão;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Đạt